

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 309/2023/DS-PT

Ngày: 26-5-2023

V/v tranh chấp: “Chia di sản thừa kế,
hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng
đất, hủy Giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất, Hợp đồng chuyển nhượng
quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Kim Em.

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp “Chia di sản thừa kế, hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 163/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 565/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của của nguyên đơn: Bà Hồ Thị N, sinh năm 1976 (theo Giấy ủy quyền ngày 13/12/2019) (có mặt);

Địa chỉ: Ô H, khu M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của của bị đơn: Bà Trần Bích L1, sinh năm 1958 (theo Giấy ủy quyền ngày 16/01/2020) (có mặt);

Địa chỉ: Đường T, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Ông Nguyễn Văn S1, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn S1: Bà Hồ Thị N, sinh năm 1976 (theo Giấy ủy quyền ngày 11/02/2020) (có mặt);

Địa chỉ: Ô H, khu M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987 (vắng mặt);

HKTT: Ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Nơi ở: Ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

5. Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang;

Địa chỉ: Đường H, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành C – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M (vắng mặt).

6. Văn phòng Công chứng C1;

Địa chỉ: Đường A, phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bạch Văn H – Trưởng Văn phòng Công chứng C1 (vắng mặt).

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L, ủy quyền cho bà Hồ Thị N trình bày:*

Bà Nguyễn Thị B1 (chết năm 2018) và bà Nguyễn Thị S là chị em ruột của ông Nguyễn Văn L. Lúc sinh thời, bà Nguyễn Thị B1 có đứng tên quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 58, diện tích 274,5m²; thửa số 76, tờ bản đồ số 58, diện tích 2.139,1m² và thửa số 73, tờ bản đồ số 24, diện tích 101,3m². Tổng diện tích các thửa là 2.514,9m², tọa lạc tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị B1 vào ngày 25/5/2004. Trên thửa đất 1371, bà Nguyễn Thị B1 có xây một căn nhà có diện tích khoảng 150m², kết cấu vách tường, mái tole, nền gạch men, trần la phong.

Bà Nguyễn Thị B1 sống độc thân, không có chồng, con. Cha bà B1 là cụ ông Nguyễn Văn H1 (chết năm 2001), mẹ bà B1 là cụ bà Nguyễn Thị B2 (chết năm 2018). Cha mẹ bà B1 có 08 người con là: Bà Nguyễn Thị B1 (đã chết 2018), bà Nguyễn Thị T1 (chết năm 1994), ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn S1, ông Nguyễn Văn C2 (chết năm 2015), bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn L.

Trước khi bà B1 chết không có lập di chúc để định đoạt số tài sản trên và hiện nay các thửa đất trên do bà Nguyễn Thị S quản lý, sử dụng. Sau khi bà B1 chết, ông L và các anh chị em có thỏa thuận với bà Nguyễn Thị S về việc chia di sản thừa kế của bà B1 nhưng bà S không đồng ý.

Ngoài ra, trước đây bà B1 có bán cho bà Nguyễn Thị B một phần đất diện tích 100m² vào năm 2003, bà B đã xây nhà ở từ đó cho đến nay.

Lý do ông L yêu cầu chia thừa kế di sản của bà Nguyễn Thị B1 vì bà B1 lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà S ngày 30/12/2017, đến ngày 24/02/2018 bà B1 chết, sau khi bà B1 chết thì bà S mới đi làm thủ tục kê khai nộp thuế. Ngày 21/11/2018, Chi cục Thuế thành phố M có thông báo miễn thuế cho bà S. Ngày 26/11/2018, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố M mới điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà B1 tặng cho bà S toàn bộ diện tích đất nêu trên. Thời điểm Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có giá trị là thời điểm thực hiện sang tên tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố M nhưng thời điểm này bà B1 đã chết. Ông L thừa nhận khi xây dựng căn nhà nêu trên thì ông L không có đóng góp tiền hay công sức gì vào căn nhà.

Nay ông Nguyễn Văn L yêu cầu:

- Buộc bà Nguyễn Thị S phải giao trả lại thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 58, diện tích 274,5m²; thửa số 76, tờ bản đồ số 58, diện tích 2.139,1m² và thửa số 73, tờ bản đồ số 24, diện tích 101,3m²; tổng diện tích các thửa là 2.514,9m² tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cho các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị B1.

- Chia di sản của bà Nguyễn Thị B1 theo pháp luật đối với thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 58, diện tích 274,5m²; thửa số 76, tờ bản đồ số 58, diện tích 2.139,1m² và thửa số 73, tờ bản đồ số 24, diện tích 101,3m²; tổng diện tích các thửa là 2.514,9m², tọa lạc tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị B1 vào ngày 25/5/2004. Ông L xin nhận một kỷ phần khoảng 500m² bằng quyền sử dụng đất, ông L sẽ hoàn lại giá trị cây trồng cho bà S đối với phần đất yêu cầu chia 500m². Yêu cầu chia căn nhà của bà Nguyễn Thị B1 trên thửa đất số 1371 làm 05 phần, ông L xin nhận một phần bằng giá trị.

Ngày 11/08/2022, ông Nguyễn Văn L có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu:

- Hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị B1 và bà Nguyễn Thị S ngày 30/12/2017 đối với thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 58, diện tích 274,5m²; thửa số 76, tờ bản đồ số 58, diện tích 2.139,1m² và thửa số 73, tờ bản đồ số 24, diện tích 101,3m²; tổng diện tích các thửa là 2.514,9m², tọa lạc tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Nguyễn Thị S đối với thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 58, diện tích 274,5m²; thửa số 76, tờ bản đồ số 58, diện tích 2.139,1m² và thửa số 73, tờ bản đồ số 24, diện tích 101,3m²; tổng diện tích các thửa là 2.514,9m² tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị S, ủy quyền cho bà Trần Bích L1 trình bày:*

Cha bà Nguyễn Thị S là cụ ông Nguyễn Văn H1 (chết năm 2001), mẹ bà S là cụ bà Nguyễn Thị B2 (chết năm 2018); bà Nguyễn Thị B1, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn Văn S1, ông Nguyễn Văn L là chị em ruột.

Bà B1 có chồng là ông Bùi Ngọc Hoa (chết năm 1975), có con là Bùi Văn Hồng (chết 1974). Sau khi chồng và con bà B1 chết, bà B1 sống độc thân. Năm 1997, bà S về chung sống với bà B1. Năm 2007, bà B1 phát bệnh, bà S là người chăm sóc cho bà B1. Năm 2017, bà B1 và bà S đến Văn phòng Công chứng C1 lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vào ngày 30/12/2017. Theo đó, bà B1 tặng cho bà S 03 thửa đất là thửa 1371, tờ bản đồ số 58, diện tích 274,5m² đất vườn; thửa số 76, tờ bản đồ số 58, diện tích 2.139m² đất lúa; thửa số 73, tờ bản đồ số 24, diện tích 101,3m² đất gò. Tổng diện tích là 2.514,9m², sau đó tiến hành lập thủ tục xin chuyển quyền sử dụng 03 thửa đất trên sang tên cho bà S đứng tên. Sau khi bà B1 qua đời ngày 24/02/2018, bà S tự lo ma chay cho bà B1.

Trên đất có căn nhà là bà S tự xây dựng vào năm 2017, nguồn tiền xây dựng là của cá nhân bà S, tổng chi phí xây dựng là 800.065.000 đồng, bà S có nộp các biên lai mua vật tư là bản tự khai của các nhân chứng kèm theo. Thời điểm xây nhà, bà B1 còn sống nhưng đã bị bệnh, không có khả năng lao động nên không có thu nhập để xây nhà.

Đối với ý kiến nguyên đơn về việc khởi kiện do bà B1 tặng cho đất cho bà S thì thời điểm nộp thuế và sang tên tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai bà B1 đã chết nên không có giá trị là không đúng vì luật không quy định vấn đề này.

Đối với phần đất bà B1 bán cho bà B 100m² vào năm 2003 thì bà S không đồng ý vì bà B1 chỉ cho bà B ở nhờ, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà S không chấp nhận.

Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của bà B, ông K, ông S1 thì bà S không đồng ý vì phần diện tích đất này bà B1 đã làm thủ tục tặng cho bà và bà đã đứng tên các thửa đất nêu trên. Còn đối với căn nhà trên đất là do bà S xây dựng vào tháng 02/2017 từ nguồn tiền cá nhân của bà làm thuê và chơi hụi từ năm 1997 đến nay, chi phí xây dựng căn nhà số tiền 800.065.000 đồng; vào thời điểm đó thì bà B1 đã bị bệnh ung thư, phải điều trị bệnh lâu dài nên bà B1 không có khoản tiền để xây dựng căn nhà nêu trên.

Đối với yêu cầu độc lập yêu cầu công nhận phần đất trên cho bà B thì bà S không đồng ý, bà S chỉ cho bà B ở đến hết đời bà B (khi bà B mất thì phải giao trả đất lại cho bà S), bà S không đòi đất vẫn để cho bà B sinh sống cho đến khi bà B mất sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn, bà S không chấp nhận. Bà S yêu cầu giữ nguyên Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập tại Văn phòng Công chứng C1 vào ngày 30/12/2017 và giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Nguyễn Thị S đối với thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 58, diện tích 274,5m²; thửa số 76, tờ bản đồ số 58, diện tích 2.139,1m² và thửa số 73, tờ bản đồ số 24, diện tích 101,3m²; tổng diện tích các thửa là 2.514,9m² tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Nguyễn Thị B, ủy quyền cho bà Hồ Thị N trình bày:*

Bà B yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị B1 để lại theo quy định pháp luật do bà B1 chết không để lại di chúc là 03 thửa đất: thửa 1371, tờ bản đồ số 58, diện tích 274,5m² đất vườn; thửa số 76, tờ bản đồ số 58, diện tích 2.139m² đất lúa và thửa số 73, tờ bản đồ số 24, diện tích 101,3m² đất gò; tổng diện tích là 2.514,9m². Sau khi trừ phần diện tích nhà và đất do bà B đang sử dụng thì bà B yêu cầu nhận 01 kỷ phần (1/5), xin nhận quyền sử dụng đất khoảng 500m² để bà B sử dụng và chia 1/5 giá trị căn nhà của bà B1 xây dựng trên thửa đất 1371 tương đương với số tiền khoảng 100.000.000 đồng. Bà B sẽ hoàn lại giá trị cây trồng cho bà S trên phần đất được chia 500m².

Bà Nguyễn Thị B có yêu cầu độc lập, yêu cầu công nhận nhà và đất diện tích khoảng 160,8m² thuộc thửa đất 1371, tờ bản đồ số 58 tại ấp M, xã M, thành phố M thuộc quyền sử dụng của bà B (cấu trúc căn nhà gồm: mái hiên – nhà chính). Tại thời điểm bà B1 còn sống năm 2003 thì bà Nguyễn Thị B1 cho bà B ở là do chị em ruột và bà B không có nơi ở nên bà B1 để lại cho bà B miếng đất như đã nêu trên. Bà B có giao cho bà B1 số tiền 500.000 đồng và 01 chỉ vàng 24K, vì giữa bà B và bà B1 là chị em nên không có làm giấy tờ mua bán và biên nhận giao nhận tiền. Bà B đã cất nhà trên phần đất này và sinh sống từ năm 2003 cho đến nay. Khi bà B1 còn sống thì bà B đã xây dựng nhà ở và cho đến khi bà B1 mất thì bà B1 cũng không có ý kiến tranh chấp đối với phần đất trên. Bà B yêu cầu Tòa án công nhận phần nhà đất trên diện tích 160,8m² theo biên bản đo đạc ngày 10/6/2020 thuộc quyền sử dụng của bà B.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn Văn S1, cùng ủy quyền cho bà Hồ Thị N trình bày:*

Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L. Ông Nguyễn Văn S1 và ông Nguyễn Văn K yêu cầu chia một phần giá trị quyền sử dụng đất, xin nhận quyền sử dụng đất khoảng 500m² để sử dụng và 1/5 giá trị căn nhà của bà B1 xây dựng trên thửa đất 1371 tương đương với số tiền khoảng 100.000.000 đồng. Phần di sản thừa kế và mà ông K và ông S1 được nhận đồng ý giao cho ông L quản lý, sử dụng. Đối với phần đất yêu cầu chia mỗi người 500m² ông L sẽ hoàn lại giá trị cây trồng cho bà S.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 163/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ khoản 5 và khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a và điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 459, Điều 501, Điều 502, Điều 503 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 95, khoản 3 Điều 167, Điều 188 Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 26 và khoản 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Án lệ số 52/2021/AL được Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao thông qua ngày 25/11/2021 và được công bố theo Quyết định số 594/QĐ-CA ngày 31/12/2021 của Chánh án Toà án nhân dân tối cao; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L và yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị B về việc buộc bà Nguyễn Thị S phải giao trả lại thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 58 diện tích 274,5m²; thửa đất số 76, tờ bản đồ số 58, diện tích 2.139,1m² và thửa đất số 73, tờ bản đồ số 24, diện tích 101,3m²; tổng diện tích các thửa là 2.514,9m² tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cho các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị B1.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L và yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị B về việc chia di sản của bà Nguyễn Thị B1 theo pháp luật đối với thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 58, diện tích 274,5m²; thửa số 76, tờ bản đồ số 58, diện tích 2.139,1m² và thửa đất số 73, tờ bản đồ số 24, diện tích 101,3m²; tổng diện tích các thửa là 2.514,9m² tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị B1 vào ngày 25/5/2004. Ông L, bà B xin nhận một kỷ phần 500m² bằng quyền sử dụng đất, ông L và bà B sẽ hoàn lại giá trị cây trồng cho bà S đối với phần đất yêu cầu chia 500m².

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L về việc hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị B1 và bà Nguyễn Thị S ngày 30/12/2017 đối với thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 58, diện tích 274,5m²; thửa số 76, tờ bản đồ số 58, diện tích 2.139,1m² và thửa số 73, tờ bản đồ số 24, diện tích 101,3m².

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Nguyễn Thị S đối với thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 58, diện tích 274,5m²; thửa số 76, tờ bản đồ số 58, diện tích 2.139,1m² và thửa số 73, tờ bản đồ số 24, diện tích 101,3m².

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn L yêu cầu chia 1/5 giá trị căn nhà của bà Nguyễn Thị B1 trên thửa đất số 1371 (ông L xin nhận một phần bằng giá trị), nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị B yêu cầu công nhận diện tích đất khoảng 160,8m² thuộc thửa đất 1371 tờ bản đồ số 58 tại ấp M,

xã M, thành phố M thuộc quyền sử dụng của bà B; trên đó có căn nhà của bà B xây dựng.

Ghi nhận bà Nguyễn Thị S cho bà Nguyễn Thị B cư ngụ trên thửa đất 1371, tờ bản đồ số 58 mà trên đó có căn nhà của bà B xây dựng và bà B được tiếp tục ở đến suốt đời.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị B yêu cầu chia 1/5 giá trị căn nhà của bà Nguyễn Thị B1 trên thửa đất số 1371 (bà B xin nhận một phần bằng giá trị), nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S1 và ông Nguyễn Văn K yêu cầu chia 1/5 giá trị căn nhà của bà Nguyễn Thị B1 trên thửa đất số 1371, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 05/10/2022, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, cụ thể:

- Buộc bà Nguyễn Thị S phải giao trả lại thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 58, diện tích 274,5m²; thửa số 76, tờ bản đồ số 58, diện tích 2.139,1m² và thửa số 73, tờ bản đồ số 24, diện tích 101,3m²; tổng diện tích các thửa là 2.514,9m² tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cho các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị B1.

- Chia di sản của bà Nguyễn Thị B1 theo pháp luật đối với thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 58, diện tích 274,5m²; thửa số 76, tờ bản đồ số 58, diện tích 2.139,1m² và thửa số 73, tờ bản đồ số 24, diện tích 101,3m²; tổng diện tích các thửa là 2.514,9m², tọa lạc tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị B1 vào ngày 25/5/2004.

- Hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị B1 và bà Nguyễn Thị S ngày 30/12/2017 đối với thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 58, diện tích 274,5m²; thửa số 76, tờ bản đồ số 58, diện tích 2.139,1m² và thửa số 73, tờ bản đồ số 24, diện tích 101,3m²; tổng diện tích các thửa là 2.514,9m², tọa lạc tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Nguyễn Thị S đối với thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 58, diện tích 274,5m²; thửa số 76, tờ bản đồ số 58, diện tích 2.139,1m² và thửa số 73, tờ bản đồ số 24, diện tích 101,3m²; tổng diện tích các thửa là 2.514,9m² tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

* Ngày 05/10/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Nguyễn Thị B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Đề

ngợi Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết chấp nhận yêu cầu độc lập của bà, cụ thể:

- Buộc bà Nguyễn Thị S phải giao trả lại thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 58, diện tích 274,5m²; thửa số 76, tờ bản đồ số 58, diện tích 2.139,1m² và thửa số 73, tờ bản đồ số 24, diện tích 101,3m²; tổng diện tích các thửa là 2.514,9m² tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cho các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị B1.

- Chia di sản của bà Nguyễn Thị B1 theo pháp luật đối với thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 58, diện tích 274,5m²; thửa số 76, tờ bản đồ số 58, diện tích 2.139,1m² và thửa số 73, tờ bản đồ số 24, diện tích 101,3m²; tổng diện tích các thửa là 2.514,9m², tọa lạc tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị B1 vào ngày 25/5/2004.

- Công nhận phần đất có diện tích 160,9m² cùng căn nhà và toàn bộ công trình phụ trên đất tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cho bà quản lý, sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập và yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Ngày 30/12/2017, bà B1 đã tặng cho bà S phần diện tích đất tranh chấp, trước khi bà B1 chết bà B1 không có văn bản nào thay đổi ý chí khác. Bà B không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện đã mua diện tích 160m². Ông L và bà B kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu nào mới, đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L và bà B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T, Ủy ban nhân dân thành phố M, Văn phòng Công chứng C1 có Đơn vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T, Ủy ban nhân dân thành phố M, Văn phòng Công chứng C1.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Yêu cầu chia di sản thừa kế, yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” là xác định còn thiếu quan hệ tranh chấp “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” vì bà B yêu cầu độc lập: Yêu cầu công nhận diện tích đất khoảng 160,8m² thuộc thửa đất 1371 tờ bản đồ số 58 tại ấp M, xã M, thành phố M thuộc quyền sử dụng của bà B trên đó có căn nhà của bà B đang ở là do bà B mua của bà B1.

[3] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 5 và khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

[4] Đơn kháng cáo của ông L, bà B đúng quy định tại Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về nội dung:

* Ngày 05/10/2022, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, cụ thể:

- Buộc bà Nguyễn Thị S phải giao trả lại thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 58, diện tích 274,5m²; thửa số 76, tờ bản đồ số 58, diện tích 2.139,1m² và thửa số 73, tờ bản đồ số 24, diện tích 101,3m²; tổng diện tích các thửa là 2.514,9m² tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cho các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị B1.

- Chia di sản của bà Nguyễn Thị B1 theo pháp luật đối với thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 58, diện tích 274,5m²; thửa số 76, tờ bản đồ số 58, diện tích 2.139,1m² và thửa số 73, tờ bản đồ số 24, diện tích 101,3m²; tổng diện tích các thửa là 2.514,9m², tọa lạc tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị B1 vào ngày 25/5/2004.

- Hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị B1 và bà Nguyễn Thị S ngày 30/12/2017 đối với thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 58, diện tích 274,5m²; thửa số 76, tờ bản đồ số 58, diện tích 2.139,1m² và thửa số 73, tờ bản đồ số 24, diện tích 101,3m²; tổng diện tích các thửa là 2.514,9m², tọa lạc tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Nguyễn Thị S đối với thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 58, diện tích 274,5m²; thửa số 76, tờ bản đồ số 58, diện tích 2.139,1m² và thửa số 73, tờ bản đồ số 24, diện tích 101,3m²; tổng diện tích các thửa là 2.514,9m² tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

* Ngày 05/10/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Nguyễn Thị B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Đề

ngهی Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết chấp nhận yêu cầu độc lập của bà, cụ thể:

- Buộc bà Nguyễn Thị S phải giao trả lại thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 58, diện tích 274,5m²; thửa số 76, tờ bản đồ số 58, diện tích 2.139,1m² và thửa số 73, tờ bản đồ số 24, diện tích 101,3m²; tổng diện tích các thửa là 2.514,9m² tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cho các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị B1.

- Chia di sản của bà Nguyễn Thị B1 theo pháp luật đối với thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 58, diện tích 274,5m²; thửa số 76, tờ bản đồ số 58, diện tích 2.139,1m² và thửa số 73, tờ bản đồ số 24, diện tích 101,3m²; tổng diện tích các thửa là 2.514,9m², tọa lạc tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị B1 vào ngày 25/5/2004.

- Công nhận phần đất có diện tích 160,9m² cùng căn nhà và toàn bộ công trình phụ trên đất tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cho bà quản lý, sử dụng.

[6] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị B về việc:

- Buộc bà Nguyễn Thị S phải giao trả lại thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 58, diện tích 274,5m²; thửa số 76, tờ bản đồ số 58, diện tích 2.139,1m² và thửa số 73, tờ bản đồ số 24, diện tích 101,3m²; tổng diện tích các thửa là 2.514,9m² tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cho các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị B1.

- Chia di sản của bà Nguyễn Thị B1 theo pháp luật đối với thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 58, diện tích 274,5m²; thửa số 76, tờ bản đồ số 58, diện tích 2.139,1m² và thửa số 73, tờ bản đồ số 24, diện tích 101,3m²; tổng diện tích các thửa là 2.514,9m², tọa lạc tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị B1 vào ngày 25/5/2004.

- Hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị B1 và bà Nguyễn Thị S ngày 30/12/2017 đối với thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 58, diện tích 274,5m²; thửa số 76, tờ bản đồ số 58, diện tích 2.139,1m² và thửa số 73, tờ bản đồ số 24, diện tích 101,3m²; tổng diện tích các thửa là 2.514,9m², tọa lạc tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Nguyễn Thị S đối với thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 58, diện tích 274,5m²; thửa số 76, tờ bản đồ số 58, diện tích 2.139,1m² và thửa số 73, tờ bản đồ số 24, diện tích 101,3m²; tổng diện tích các thửa là 2.514,9m² tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Tại hồ sơ trích lục ở Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố M thì thửa đất số 1371, thửa đất số 76, cùng thuộc tờ bản đồ số 58 và thửa đất số 73, tờ bản đồ số 24 có tổng diện tích 2.514,90m² tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh

Tiền Giang có nguồn gốc của cụ Nguyễn Thị B2 (mẹ ruột) lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 600/UB cho lại bà Nguyễn Thị B1 (con ruột cụ Bảy) có diện tích 2514,9m², thuộc thửa 1371 ngày 29/03/2004 tại Ủy ban nhân dân xã M. Đến ngày 25/5/2004, bà Nguyễn Thị B1 được Ủy ban nhân dân thành phố M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03538 QSDĐ/690/25.5.04/QĐUB (H) được quyền sử dụng diện tích 2.514,90m² gồm các thửa đất số 1371, thửa số 76, cùng thuộc tờ bản đồ số 58 và thửa số 73, tờ bản đồ số 24 tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Bà Nguyễn Thị B1 đã quản lý, sử dụng thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 58, diện tích 274,5m²; thửa đất số 76, tờ bản đồ số 58, diện tích 2.139,1m² và thửa đất số 73, tờ bản đồ số 24, diện tích 101,3m² tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang từ năm 2004 cho đến năm 2017 thì bà B1 đã lập Hợp đồng tặng cho bà Nguyễn Thị S (em ruột của bà B1) quyền sử dụng đất các thửa đất như đã nêu trên ngày 30/12/2017 tại Văn phòng Công chứng C1, số công chứng 8500, quyền số 01/2017.TP/CC-SCC/HĐGD.

Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 30/12/2017 lập tại Văn phòng Công chứng C1, số công chứng 8500, quyền số 01/2017.TP/CC-SCC/HĐGD giữa Bên tặng cho (Bên A) là bà Nguyễn Thị B1 và Bên được tặng cho (Bên B) là bà Nguyễn Thị S có nội dung cụ thể như sau: Bên tặng cho (Bên A) đồng ý tặng cho Bên B (Bên được tặng cho) toàn bộ quyền sử dụng các thửa đất có tổng diện tích 2.514,90m² tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03538 QSDĐ/690/25.5.04/QĐUB (H) do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp ngày 25/5/2004 cho bà Nguyễn Thị B1.

Nhận thấy, Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 30/12/2017 giữa Bên tặng cho (Bên A) là bà Nguyễn Thị B1 và Bên được tặng cho (Bên B) là bà Nguyễn Thị S, có người làm chứng và được công chứng tại Văn phòng Công chứng C1 thì tại Điều 5 của Hợp đồng đã khẳng định việc giao kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc. Nguyên đơn cũng không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh thời điểm bà B1 ký Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà S, thì bà B1 không còn minh mẫn. Từ thời điểm bà B1 lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 30/12/2017 tại Văn phòng Công chứng C1 cho đến ngày 24/02/2018, bà Nguyễn Thị B1 chết thì bà Nguyễn Thị B1 là người tặng cho tài sản không có lập văn bản nào để thay thế Hợp đồng tặng cho tài sản đã ký kết tại Văn phòng Công chứng C1 ngày 30/12/2017, bà B1 cũng không có hành động nào thể hiện sự thay đổi ý chí đã thể hiện tại Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị B1 và bà Nguyễn Thị S tại Văn phòng Công chứng C1. Nên Hợp đồng tặng cho bà Nguyễn Thị S được xem là ý chí cuối cùng của bà Nguyễn Thị B1 và cũng không có văn bản nào thể hiện sự thay đổi ý chí này của bà B1, phù hợp với Án lệ số 52/2021/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 25/11/2021 và được công bố theo Quyết định số 594/QĐ-CA ngày 31/12/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Theo bà S đến tháng 10/2018 thì bà S mới tiến hành làm thủ tục sang tên là do khi ký Hợp đồng tặng cho về thì bà phải lo chăm sóc cho bà B1, sau đó thì bà B1 chết bà phải lo ma chay mai

tặng cho bà B1 xong thì bà mới tiến hành làm thủ tục sang tên, việc bà S chậm làm thủ tục sang tên là do trở ngại khách quan.

Do đó, việc bà Nguyễn Thị S đứng tên các thửa đất tại mục IV những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận có nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý thể hiện bà Nguyễn Thị B1 tặng cho bà Nguyễn Thị S theo hồ sơ số 004337.TA.001 ngày 26/11/2018 là hoàn toàn đúng pháp luật. Từ những phân tích trên, xét thấy các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị B không có cơ sở nên án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L và bà B là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

Ông L, bà B kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L.

[7] Xét yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B yêu cầu công nhận phần đất có diện tích 160,9m² cùng căn nhà và toàn bộ công trình phụ trên đất tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cho bà quản lý, sử dụng.

Theo bà B trình bày: Năm 2003, bà Nguyễn Thị B1 cho bà B ở là do chị em ruột và bà B không có nơi ở nên bà B1 để lại cho bà B miếng đất như đã nêu trên. Bà B có giao cho bà B1 số tiền 500.000 đồng và 01 chỉ vàng 24K, vì giữa bà B và bà B1 là chị em nên không có làm giấy tờ mua bán và biên nhận giao nhận tiền. Bà B đã cất nhà trên phần đất này và sinh sống từ năm 2003 cho đến nay. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà S cũng thừa nhận bà B cất nhà ở từ năm 2003 bà B1 không có ngăn cản hay tranh chấp gì về việc bà B cất nhà ở. Thực tế, bà B đã cất nhà kiên cố và ở ổn định trên phần đất có diện tích 160,9m² cùng căn nhà và toàn bộ công trình phụ trên đất từ năm 2003 khi bà B1 còn sống, cho đến khi bà B1 chết thì bà B1 cũng không có ý kiến, hay tranh chấp gì đối với việc bà B cất nhà trên phần đất của mình. Khi bà B1 làm Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà S thì trên đất đã có nhà của bà B, nhưng giữa bà B1 và bà S cũng không có ý kiến gì đối với căn nhà của bà B.

Do đó bà B kháng cáo yêu cầu công nhận phần đất có diện tích 160,9m² cùng căn nhà và toàn bộ công trình phụ trên đất tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cho bà quản lý, sử dụng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Án sơ thẩm không công nhận nhận phần đất có diện tích 160,9m² cùng căn nhà và toàn bộ công trình phụ trên đất cho bà B là không có căn cứ.

[8] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị nên phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp một phần với nhận định nêu trên nên được chấp nhận một phần.

[10] Về án phí: Ông L và bà B không phải chịu án phí phúc thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 163/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Áp dụng khoản 5 và khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a và điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 459, Điều 501, Điều 502, Điều 503 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 95, khoản 3 Điều 167, Điều 188 Luật Đất đai năm 2013.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 và khoản 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Án lệ số 52/2021/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 25/11/2021 và được công bố theo Quyết định số 594/QĐ-CA ngày 31/12/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L và yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị B về việc buộc bà Nguyễn Thị S phải giao trả lại thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 58 diện tích 274,5m²; thửa đất số 76, tờ bản đồ số 58, diện tích 2.139,1m² và thửa đất số 73, tờ bản đồ số 24, diện tích 101,3m²; tổng diện tích các thửa là 2.514,9m² tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cho các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị B1.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L và yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị B về việc chia di sản của bà Nguyễn Thị B1 theo pháp luật đối với thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 58, diện tích 274,5m²; thửa số 76, tờ bản đồ số 58, diện tích 2.139,1m² và thửa đất số 73, tờ bản đồ số 24, diện tích 101,3m²; tổng diện tích các thửa là 2.514,9m² tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị B1 vào ngày 25/5/2004. Ông L, bà B xin nhận một kỷ phần 500m² bằng quyền sử dụng đất, ông L và bà B sẽ hoàn lại giá trị cây trồng cho bà S đối với phần đất yêu cầu chia 500m².

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L về việc hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị B1 và bà Nguyễn Thị S ngày 30/12/2017 đối với thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 58, diện tích 274,5m²; thửa số 76, tờ bản đồ số 58, diện tích 2.139,1m² và thửa số 73, tờ bản đồ số 24, diện tích 101,3m².

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Nguyễn Thị S đối với thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 58, diện tích 274,5m²; thửa số 76, tờ bản đồ số 58, diện tích 2.139,1m² và thửa số 73, tờ bản đồ số 24, diện tích 101,3m².

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn L yêu cầu chia 1/5 giá trị căn nhà của bà Nguyễn Thị B1 trên thửa đất số 1371 (ông L xin nhận một phần bằng giá trị), nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị B: Công nhận diện tích đất khoảng 160,9m² (vị trí T-9, T-10, T-11), thuộc thửa đất 1371, tờ bản đồ số 58 tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền sở hữu, quản lý sử dụng của bà B; trên đó có căn nhà của bà B xây dựng (có sơ đồ kèm theo).

Bà Nguyễn Thị B được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất có diện tích 160,9m² tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị B yêu cầu chia 1/5 giá trị căn nhà của bà Nguyễn Thị B1 trên thửa đất số 1371 (bà B xin nhận một phần bằng giá trị), nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S1 và ông Nguyễn Văn K yêu cầu chia 1/5 giá trị căn nhà của bà Nguyễn Thị B1 trên thửa đất số 1371, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

3.1. Án phí sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí không có giá ngạch về yêu cầu chia thừa kế không được chấp nhận và 300.000 đồng án phí không có giá ngạch về yêu cầu khởi kiện bổ sung không được chấp nhận; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.050.000 đồng theo các biên lai thu tạm ứng án phí số 0000932 ngày 03/01/2020 và 0022542 ngày 11/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang nên được hoàn lại 3.450.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí không có giá ngạch về yêu cầu chia thừa kế không được chấp nhận, không phải chịu án phí về yêu cầu độc lập được chấp nhận; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.050.000 đồng theo các biên lai thu tạm ứng án phí số 0001793 ngày 16/7/2020 và 0001794 ngày 16/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang nên được hoàn lại 3.750.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Án phí phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị B không phải chịu án phí phúc thẩm.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn L số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0022680 ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị B số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0022679 ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố M;
- CCTHADS thành phố M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Ngọc Tuyền